TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HSST
Ngày: 24/03/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên toà: Ông Đào Việt Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/TLST - HS ngày 28/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXX ngày 10 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: : **Nguyễn Văn T** ;Tên gọi khác: Không, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: thôn Đa Cốc, xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hoá: 4/12. Con ông Nguyễn Quang V (đã chết); con bà: Nguyễn Thị M , sinh năm 1948, hiện trú tại thôn Đa Cốc, xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, không có anh, em; Có vợ: Phạm Thị G (đã ly hôn); Vợ chồng có 01 con chung sinh năm 2003.

Tiền án: Năm 2019, bị Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, tại Bản án số 47/HSST ngày 29/11/2019 (chấp hành xong án phạt tù ngày 05/02/2021, chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 22/9/2008, Nguyễn Văn T bị UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy"* theo Quyết định số 895/QĐ-UBND với thời hạn 24 tháng;

+ Ngày 19/7/2013, bị Công an huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, mức phạt 1.000.000 đồng, nộp phạt ngày 25/7/2013;

+ Ngày 24/7/2022 có hành vi *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* bị Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 03 tháng tù tại Bản án số 83/HSST ngày 26/10/2022. Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của Bản án.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án ày. Hiện bị cáo đang chấp hành bản án 83/HSST ngày 26/10/2022 của Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại Trại giam Hồng Ca, tỉnh Yên Bái.

(Có mặt tại phiên toà).

* Người bào chữa cho bị cáo Tuân: Bà Nguyễn Thị D – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

(Bà Dung có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng gửi luận cứ bào chữa đến phiên toà).

*** Người bị hại: Công an tỉnh Thái Nguyên;**

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức H – Giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh T , sinh năm 1970 – Chức vụ: Phó trưởng phòng Hậu cần, Công an tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Tổ 7, phường Thịnh Đán, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà).

*** Người làm chứng:**

1. Anh Vũ Văn T , sinh năm 1982

HKTT: xóm Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

*** Người chứng kiến:** Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1983

HKTT: TDP Lai 2, phường Thuận Thành, thành phố phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định nên thường bỏ nhà đi lang thang. Ngày 05/7/2022, Tuân đến ở tại khu vực gầm cầu Đa Phúc thuộc địa phận tổ dân phố Phú Thịnh, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình ở đây, T quan sát thấy có một khu nhà không có người ở, không có ai trông coi nên đã nảy sinh ý định vào bên trong khu nhà này để trộm cắp tài sản, lấy tiền chi tiêu cá nhân. Quá trình điều tra xác định khu nhà trên hiện đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công an tỉnh Thái Nguyên. Để thực hiện ý định của mình, khoảng 06 giờ ngày 07/7/2022, Tuân đã đột nhập vào bên trong khu nhà rồi đi bộ từ cầu thang tầng 1 lên tầng 3 thì phát

hiện 01 thanh kim loại bằng sắt cũ hoen rỉ, hình trụ tròn, rỗng được gắn trên nền nhà và 01 khung kim loại dạng hình trên tường của tầng 3. Sau đó, Tuân dùng hai tay bẻ thanh kim loại rời khỏi nền nhà rồi dùng thanh kim loại này đập vào các mối nối của khung kim loại để làm bung bật khung kim loại khỏi tường. Khi Tuân đang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị tổ công tác Công an phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên phát hiện lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng.

Để có căn cứ xác định giá trị thiệt hại tài sản bị chiếm đoạt, ngày 11/7/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phổ Yên ra yêu cầu định giá tài sản số 48/CSĐT đối với Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự thành phố Phổ Yên đối với số vật chứng thu giữ của T . Nội dung yêu cầu định giá tài sản: để xác định giá trị của các tài sản trên quy đổi theo tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tại Bản kết luận định giá số 46/KLĐG ngày 14/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Phổ Yên, kết luận: 01 thanh kim loại bằng sắt, hình trụ tròn-rỗng, có chiều dài 65,5cm, đường kính 2,7cm, trọng lượng 1 kg, đã hoen gỉ có giá trị là 7.000đồng và 01 khung kim loại hình trụ làm bằng sắt, tôn sắt bao quanh, đã hoen gỉ, trọng lượng 8,8kg có giá trị là 61.600 đồng. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn Tuân chiếm đoạt là 68.600 đồng (*Sáu mươi tám ngàn sáu trăm đồng*).

Vật chứng của vụ án: 01 thanh kim loại bằng sắt, hình trụ tròn- rỗng, có chiều dài 65,5cm, đường kính 2,7cm, trọng lượng 1 kg, đã hoen gỉ và 01 khung kim loại hình trụ làm bằng sắt, tôn sắt bao quanh, đã hoen gỉ, trọng lượng 8,8kg, cơ quan điều tra trả lại cho Công an tỉnh Thái Nguyên quản lý, sử dụng.

Về phần dân sự: Công an tỉnh Thái Nguyên đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì đối với T .

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai nhận của Tuân phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phổ Yên đã điều tra, thu thập được và các vật chứng đã thu giữ.

Với nội dung nêu trên, tại bản Cáo trạng số: 57/CT - VKS PY ngày 28/02/2023, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng.

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án, cụ thể: Năm 2019, bị Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* tại Bản án số 47/HSST ngày 29/11/2019. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 05/02/202, tính đến thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp ngày 07/7/2022, chưa được xóa án tích, do vậy là căn cứ định tội cho lần phạm tội này.

Tình tiết giảm nhẹ được hưởng: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, Người phạm*

tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự .

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù. Đề nghị tổng hợp hình phạt tù theo Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo tại Bản án số 83/HSST ngày 26/10/2022, của Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, hình phạt 02 năm 03 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* . Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo

Về vật chứng của vụ án: 01 thanh kim loại bằng sắt, hình trụ tròn- rỗng, có chiều dài 65,5cm, đường kính 2,7cm, trọng lượng 1 kg, đã hoen gỉ và 01 khung kim loại hình trụ làm bằng sắt, tôn sắt bao quanh, đã hoen gỉ, trọng lượng 8,8kg,Cơ quan điều tra trả lại cho Công an tỉnh Thái Nguyên quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm Dân sự: Công an tỉnh Thái Nguyên đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì đối với Tuân nên không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Phần tranh tụng:

Người bào chữa cho bị cáo T vắng mặt có gửi cho Hội đồng xét xử bản luận cứ bào chữa với nội dung được Hội đồng xét xử công bố:

Nhất trí Bản cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" như Cáo trạng mô tả. Như vậy đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện là đúng người đúng tội, đúng quy định của Pháp Luật, thoả mãn các dấu hiệu của 04 yếu tố cấu thành tội phạm.

Trên quan điểm bảo vệ Pháp chế XHCN, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn Tuân**,** quan điểm bào chữa như sau:

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt từ 6 – 9 đến tháng tù. Tuy nhiên, mong được cho mức đầu khung hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt tiền cho bị cáo vì bị cáo là hộ cận nghèo.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Sau khi nghe công bố luận tội của Trợ giúp viên đối với bị cáo, bị cáo T nhất trí không bổ sung gì.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo và đại diện Viện kiểm sát thành phố Phổ Yên không đưa ra quan điểm đối đáp, tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo bị cáo hứa sửa chữa và xin được

hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra vụ án, các quyết định và các hành vi tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Tất cả các Quyết định tố tụng trong vụ án đều được lập, giao nhận cho những người tham gia tố tụng theo đúng trình tự mà pháp luật quy định. Các tài liệu, chứng cứ đã thu thập đều phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án, phù hợp với diễn biến của phiên tòa và có đủ cơ sở để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[1.2]. Đối với người tham gia tố tụng: Người bào chữa cho bị cáo T có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng gửi luận cứ bào chữa đến phiên toà, bị cáo nhất trí sự vắng mặt của người bào chữa. Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại (có đơn xin vắng mặt; những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng, tuy Những người vắng mặt tại phiên toà trong hồ sơ đã có lời khai thể hiện quan điểm của họ, Kiểm sát viên, bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của người tham gia tố tụng khác không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ khoản 1 Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3]. Bị cáo Nguyễn Văn Tuân thuộc hộ cận nghèo nên được Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử Trợ giúp viên tham gia bào chữa cho bị cáo, bị cáo nhất trí người bào chữa theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định phê duyệt các xã vùng I, II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý.

[2]. Xác định tội danh đối với bị cáo: Qua đấu tranh xét hỏi công khai tại phiên toà, đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với lời khai trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử thấy cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và người người làm chứng, diễn biến vụ án, kết luận định giá giá trị tài sản chiếm đoạt cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn T là đối tượng nghiện ma túy, đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích, thường bỏ nhà đi lang thang. Ngày 05/7/2022, T đến ở tại khu vực gầm cầu Đa Phúc và phát hiện có khu nhà không có người trông coi (thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công an tỉnh Thái Nguyên) nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để mua ma túy sử dụng. Ngày 07/7/2022, quan sát thấy khu nhà không có ai, T đã một mình đột nhập vào trong khu nhà, đi bộ lên tầng 3 và đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 thanh kim

loại bằng sắt, hình trụ tròn- rỗng, có chiều dài 65,5cm, đường kính 2,7cm, trọng lượng 1 kg, đã hoen gỉ và 01 khung kim loại hình trụ làm bằng sắt, tôn sắt bao quanh, đã hoen gỉ, trọng lượng 8,8kg. Giá trị số tài sản bị cáo trộm cắp được Hội đồng định giá xác định là **68.000 đồng** (sáu mươi tám ngàn đồng).

Về lỗi của bị cáo: Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo nhận thức được việc làm đó là vi phạm pháp luật, thấy trước hậu quả đồng thời mong muốn chiếm đoạt được tài sản với mục đích chi tiêu cá nhân. Do đó, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

Từ những nhận xét nêu trên, có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù giá trị tài sản do bị cáo chiếm đoạt có gía trị là 68.60 đồng, chưa đủ định lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, nhưng bị cáo đã từng bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Như vậy, bản Cáo trạng số: số 57/CT - VKS PY ngày 28/02/2023, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên truy tố Nguyễn Văn T về tội danh và điều luật viện dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168,169,170,171,172,174,175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;".

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng thấy rằng:

Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cơ quan, tổ chức là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ, đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Do vậy, việc đưa ra xét xử là cần thiết, giáo dục bị cáo và nâng cao sự cảnh giác của người dân trong việc tự quản lý tài sản.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân quá xấu, là đối tượng nghiện ma tuý đã từng bị đưa đưa vào cơ sở cai nghiện và bị đưa ra xét xử về tội trộm cắp tài sản, cụ thể:

- Năm 2008 bị UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy"* .

Năm 2013, bị Công an huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

- Năm 2019, bị Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến nay chưa được xóa án tích. Tuy nhiên, là căn cứ định tội đối với lần phạm tội này.

Do vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét toàn diện để cân nhắc mức hình phạt tù đối với bị cáo cho phù hợp.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn ăn năn, hối cải; tài sản bị cáo trộm cắp đã được trả lại nguyên vẹn cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì với bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là *"Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; người phạm tội thành khẩn khai báo"*.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Hội đồng xét xử nhận định về hình phạt cần áp dụng: Đánh giá tính chất vụ án cũng như nhân thân của người thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo xuất thân từ thành phần lao động nhưng không chịu khó làm ăn, mắc tệ nạn xã hội nghiện hút ma túy. Để có tiền mua ma túy sử dụng, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của Công an tỉnh Thái Nguyên, không có người trông coi nên đã cố ý trộm cắp tài sản, mục đích bán lấy tiền để chi tiêu cá nhân. Bị cáo đã nhân thân xấu, có tiền án về cùng loại tội, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật. Hội đồng xét xử thấy cần phải có mức hình phạt tù có thời hạn một thời gian nhất định đủ răn đe và cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đen phòng ngừa chung. Ngoài ra, bị cáo còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội khác trong thời gian điều tra truy tố, cụ thể Ngày 24/7/2022 bị cáo có hành vi *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* bị Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 03 tháng tù tại Bản án số 83/HSST ngày 26/10/2022. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt tù cảu bản án với lần phạm tội này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[6].Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, gia đình thuộc diện hộ nghèo nên việc áp dụng hình phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo và đề xuất về xử lý vật chứng. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và diễn biến, kết quả tranh tụng tại phiên tòa cũng như nhận định của Hội đồng xét xử. Vì vậy, được chấp nhận.

[8]. Xét quan điểm của người bào chữa thể hiện tại bản luận cứ của trợ giúp viên cho bị cáo Nguyễn Văn Tuân được chấp nhận một phần về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự. về

hình phạt Trợ giúp viên đề nghị mức án đầu khung hình phạt là quá thấp đối với người từng bị kết án về cùng loại tội chiếm đoạt và có nhân thân quá xấu không đủ điều kiện để răn đe và giáo dục. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận mức hình phạt do trợ giúp viên đề nghị trong bản luận cứ bào chữa được gửi đến phiên toà.

[9]. Về xử lý vật chứng: 01 thanh kim loại bằng sắt, hình trụ tròn- rỗng, có chiều dài 65,5cm, đường kính 2,7cm đã hoen gỉ và 01 khung kim loại hình trụ làm bằng sắt, tôn sắt bao quanh, đã hoen gỉ, cơ quan điều tra đã trả cho Công an tỉnh Thái Nguyên quản lý, sử dụng. Việc trả lại là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về trách nhiệm Dân sự: Ghi nhận người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên không xem xét.

[11]. Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo được miễn án phí Hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tuân phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Văn T 01** (một) năm tù .

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt **02** năm **03** tháng tù tại Bản án số 83/HSST ngày 26/10/2022 của Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **03** (Ba) năm **03** (Ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam bị cáo 24/7/2022.

3. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

4. Về trách nhiệm Dân sự: Ghi nhận người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không xem xét.

5. Vật chứng: đã trả lại cho người bị hại quản lý, sử dụng nên không xem xét.

6. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Tuân.

7. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt đại diện người bị hại tại phiên toà. Báo cho biết bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đại diện theo uỷ quyền của người hại vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thành phố Phổ Yên;
- VKS nhân dân thành phố Phổ yên;
- Thi hành án thành phố Phổ Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà